

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH HẬU GIANG**

Số: 23/2022/NQ-HĐND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hậu Giang, ngày 09 tháng 12 năm 2022

**NGHỊ QUYẾT**

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 24/2020/NQ-HĐND ngày 04 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang sửa đổi, bổ sung một số chế độ chi tiêu hành chính sự nghiệp trên địa bàn tỉnh Hậu Giang và Nghị quyết số 34/2021/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang quy định nội dung, mức chi xây dựng ngân hàng câu hỏi trắc nghiệm, tổ chức các kỳ thi phổ thông, chuẩn bị tham dự các kỳ thi Olympic quốc tế, khu vực và tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo trên địa bàn tỉnh Hậu Giang**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG  
KHÓA X KỲ HỌP THỨ 13**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;*

*Căn cứ Thông tư số 69/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi áp dụng đối với giáo dục phổ thông;*

*Xét Tờ trình số 189/TTr-UBND ngày 21 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 24/2020/NQ-HĐND ngày 04 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang sửa đổi, bổ sung một số chế độ chi tiêu hành chính sự nghiệp trên địa bàn tỉnh Hậu Giang và Nghị quyết số 34/2021/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang quy định nội dung, mức chi xây dựng ngân hàng câu hỏi trắc nghiệm, tổ chức các kỳ thi phổ thông, chuẩn bị tham dự các kỳ thi Olympic quốc tế, khu vực và tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo trên địa bàn tỉnh Hậu*

*Giang; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

## **QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 24/2020/NQ-HĐND ngày 04 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang sửa đổi, bổ sung một số chế độ chi tiêu hành chính sự nghiệp trên địa bàn tỉnh Hậu Giang và Nghị quyết số 34/2021/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang quy định nội dung, mức chi xây dựng ngân hàng câu hỏi trắc nghiệm, tổ chức các kỳ thi phổ thông, chuẩn bị tham dự các kỳ thi Olympic quốc tế, khu vực và tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo trên địa bàn tỉnh Hậu Giang

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Phụ lục III kèm theo Nghị quyết số 24/2020/NQ-HĐND như sau:

“2. Chế độ hỗ trợ cho kế toán thực hiện công việc kiêm nhiệm kế toán liên trường, liên ngành

a) Kế toán thực hiện công việc kế toán kiêm nhiệm liên trường, liên ngành có từ 20 biên chế trở xuống (do cơ quan có thẩm quyền giao biên chế, hợp đồng theo Nghị định số 161/2018/NĐ-CP hoặc số lượng người làm việc của tổng các đơn vị) mức hỗ trợ: 2.000.000 đồng/tháng.

b) Kế toán thực hiện công việc kế toán kiêm nhiệm liên trường, liên ngành có từ 21 biên chế trở lên (do cơ quan có thẩm quyền giao biên chế, hợp đồng theo Nghị định số 161/2018/NĐ-CP hoặc số lượng người làm việc của tổng các đơn vị) mức hỗ trợ: 2.500.000 đồng/tháng.”

2. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 34/2021/NQ-HĐND như sau:

Sửa đổi, bổ sung Mục II Phần A Phụ lục kèm theo Nghị quyết số 34/2021/NQ-HĐND (*Đính kèm Phụ lục*).

**Điều 2.** Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết theo quy định pháp luật.

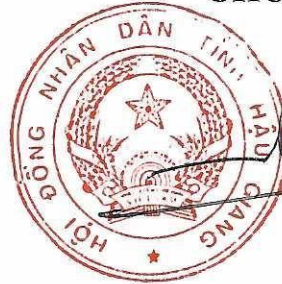
**Điều 3.** Hội đồng nhân dân tỉnh giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang Khóa X Kỳ họp thứ 13 thông qua ngày 09 tháng 12 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày 18 tháng 12 năm 2022. /

**Nơi nhận:**

- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ (HN - TP.HCM);
- Bộ Tài chính;
- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản QPPL);
- TT: TU, HĐND, UBND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- UBMTTQVN và các đoàn thể tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- HĐND, UBND, UBMTTQVN cấp huyện;
- Cơ quan Báo, Đài tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT. /

**CHỦ TỊCH**



**Trần Văn Huyền**



**PHỤ LỤC**  
**Sửa đổi, bổ sung Mục II Phần A Phụ lục kèm theo Nghị quyết số 34/2021/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang quy định nội dung, mức chi xây dựng ngân hàng câu hỏi trắc nghiệm, tổ chức các kỳ thi phổ thông, chuẩn bị tham dự các kỳ thi Olympic quốc tế, khu vực và tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo trên địa bàn tỉnh Hậu Giang**

(Kèm theo Nghị quyết số: 23/2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang)

Đvt: 1.000 đồng

| STT       | Nội dung chi                                                                                                       | Đơn vị tính | Định mức | Ghi chú |
|-----------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|----------|---------|
| <b>II</b> | <b>Ra đề thi thử; In, sao đề thi; Coi thi; Chấm thi và các nội dung khác Kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông</b> |             |          |         |
| <b>1</b>  | <b>Hội đồng/Ban ra đề thi thử</b>                                                                                  |             |          |         |
| a         | Chủ tịch/Trưởng ban                                                                                                | Người/ngày  | 520      |         |
| b         | Phó Chủ tịch/Phó Trưởng ban                                                                                        | Người/ngày  | 420      |         |
| c         | Ủy viên ra đề tự luận (chính thức và dự bị)                                                                        | Người/ngày  | 600      |         |
| d         | Ủy viên ra đề trắc nghiệm (chính thức và dự bị)                                                                    | Người/ngày  | 420      |         |
| đ         | Ủy viên, thư ký                                                                                                    | Người/ngày  | 310      |         |
| e         | Nhân viên phục vụ, Bảo vệ                                                                                          | Người/ngày  | 210      |         |
| <b>2</b>  | <b>Hội đồng/Ban In, sao đề thi</b>                                                                                 |             |          |         |
| a         | Chủ tịch/Trưởng ban                                                                                                | Người/ngày  | 450      |         |
| b         | Phó Chủ tịch/Phó Trưởng ban                                                                                        | Người/ngày  | 360      |         |
| c         | Ủy viên, Thư ký làm việc cách ly                                                                                   | Người/ngày  | 310      |         |
| d         | Công an, bảo vệ làm việc cách ly                                                                                   | Người/ngày  | 220      |         |
| đ         | Nhân viên phục vụ, công an, bảo vệ vòng ngoài                                                                      | Người/ngày  | 180      |         |
| c         | Thành viên bộ phận vận chuyển đề thi                                                                               | Người/ngày  | 270      |         |
| g         | Chi phí tiền ăn, tiền giải khát giữa buổi (những người tham gia tập trung cách ly đặc biệt với bên ngoài)          | Người/ngày  | 200-300  |         |
| <b>3</b>  | <b>Ban chỉ đạo</b>                                                                                                 |             |          |         |
| a         | Trưởng ban                                                                                                         | Người/ngày  | 150      |         |
| b         | Phó Trưởng ban                                                                                                     | Người/ngày  | 120      |         |
| c         | Ủy viên, thư ký                                                                                                    | Người/ngày  | 100      |         |
| <b>4</b>  | <b>Hội đồng thi</b>                                                                                                |             |          |         |
| a         | Chủ tịch                                                                                                           | Người/ngày  | 600      |         |
| b         | Phó Chủ tịch                                                                                                       | Người/ngày  | 480      |         |
| c         | Ủy viên                                                                                                            | Người/ngày  | 420      |         |
| <b>5</b>  | <b>Ban thư ký</b>                                                                                                  |             |          |         |
| a         | Trưởng ban                                                                                                         | Người/ngày  | 520      |         |

| STT      | Nội dung chi                                                                                                             | Đơn vị tính | Định mức | Ghi chú |
|----------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|----------|---------|
| b        | Phó Trưởng ban                                                                                                           | Người/ngày  | 420      |         |
| c        | Ủy viên                                                                                                                  | Người/ngày  | 310      |         |
| <b>6</b> | <b>Hội đồng/Ban coi thi/Điểm thi</b>                                                                                     |             |          |         |
| a        | Chủ tịch/Trưởng ban/Trưởng điểm                                                                                          | Người/ngày  | 520      |         |
| b        | Phó Chủ tịch/Phó Trưởng ban/Phó Trưởng điểm                                                                              | Người/ngày  | 420      |         |
| c        | Ủy viên, Thư ký, Giám thị                                                                                                | Người/ngày  | 310      |         |
| d        | Công an, Bảo vệ, Phục vụ                                                                                                 | Người/ngày  | 210      |         |
| <b>7</b> | <b>Ban/Tổ làm phách</b>                                                                                                  |             |          |         |
| a        | Trưởng ban/Tổ trưởng                                                                                                     | Người/ngày  | 520      |         |
| b        | Phó Trưởng ban/Tổ phó                                                                                                    | Người/ngày  | 420      |         |
| c        | Ủy viên, thư ký                                                                                                          | Người/ngày  | 310      |         |
| d        | Nhân viên phục vụ, Bảo vệ làm việc tập trung cách ly đặc biệt với bên ngoài                                              | Người/ngày  | 260      |         |
| đ        | Nhân viên phục vụ, Bảo vệ làm việc vòng ngoài                                                                            | Người/ngày  | 210      |         |
| c        | Chi phí tiền ăn, tiền giải khát giữa buổi (những người tham gia tập trung cách ly đặc biệt với bên ngoài)                | Người/ngày  | 200-300  |         |
| <b>8</b> | <b>Hội đồng/Ban chấm thi, chấm phúc khảo, chấm thẩm định bài thi tự luận, trắc nghiệm và Hội đồng/Ban xét tốt nghiệp</b> |             |          |         |
| a        | Chủ tịch/Trưởng ban                                                                                                      | Người/ngày  | 520      |         |
| b        | Phó Chủ tịch/Phó Trưởng ban                                                                                              | Người/ngày  | 420      |         |

| STT       | Nội dung chi                                                                                                                                                                                    | Đơn vị tính | Định mức                    | Ghi chú |
|-----------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|-----------------------------|---------|
| c         | Ủy viên, Thư ký, Kỹ thuật viên                                                                                                                                                                  | Người/ngày  | 310                         |         |
| d         | Nhân viên phục vụ, Công an, Bảo vệ                                                                                                                                                              | Người/ngày  | 220                         |         |
| đ         | Tổ trưởng, tổ phó các tổ chấm thi                                                                                                                                                               | Đợt         | 260                         |         |
| <b>9</b>  | <b>Tiền công cho công tác thanh tra, kiểm tra trước, trong và sau khi thi (nếu có)</b>                                                                                                          |             |                             |         |
| a         | Trưởng đoàn thanh tra                                                                                                                                                                           | Người/ngày  | 520                         |         |
| b         | Thành viên/Ủy viên đoàn thanh tra                                                                                                                                                               | Người/ngày  | 310                         |         |
| c         | Thanh tra độc lập                                                                                                                                                                               | Người/ngày  | 420                         |         |
| <b>10</b> | Đối với các đối tượng được phân công trực đêm để bảo vệ đề thi, bảo vệ hội đồng sao in đề, giữ bài thi của Hội đồng (Điểm, Ban) coi thi, chấm thi theo quy định và ủy viên chấm bài thi tự luận |             | 1,5 lần định mức được hưởng |         |

